BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 300 /QĐ-ĐHKT-CT&CTSV

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí đợt 1 học kỳ I năm học 2023 - 2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định về việc công nhận thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội từ năm 2016 đến năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-ĐHKT-TCKT ngày 26/6/2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc quy định mức thu học phí năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy diện chính sách đợt 1 học kỳ I năm học 2023 - 2024 của trường Đại học Kiến trúc Hà Nội ngày 05/10/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép 176 sinh viên thuộc diện đối tượng chính sách được miễn, giảm học phí đợt 1 học kỳ I năm học 2023 - 2024 theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, cụ thể:

- Diện miễn 100% có: 72 sinh viên;
- Diện miễn 70% có: 64 sinh viên;
- Diện miễn 50% có: 40 sinh viên.

(danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được thực hiện theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Chính trị & Công tác sinh viên, phòng Đào tạo, phòng Tài chính - Kế toán, Lãnh đạo các Khoa, Viện liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: VT, CT&CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC

PGS.TS.KTS: Lê Quân

TRƯỜNG ĐH KIẾN TRÚC HÀ NỘI
PHÒNG CHÍNH TRỊ & CTSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ ĐỢT 1 HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 300 /QĐ-ĐHKT-CT&CTSV ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội)

I - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ

Stt	Họ và tên		Mã thẻ SV	Lớp	Diện MG	Đối tượng miễn giảm	Hồ sơ			
							Đơn	Giấy XN đối tượng	Sổ HK	Giấy KS
1	Nguyễn Khải	Long	1851010231	18K2	100%	Con thương binh	x	x	-	x
2	Đặng Tấn	Minh	1851010262	18K2	100%	Con thương binh	x	x	-	x
3	Vũ Ngọc	Dương	1651060004	19M	100%	Con bệnh binh	x	x	-	x
4	Nguyễn Thị Ngân	Hà	1951020038	19Q2	100%	Con thương binh	x	x	-	x
5	Hoàng Anh	Tâm	1951020110	19Q2	100%	Con liệt sĩ	x	x	-	x
6	Bùi Minh	Huyền	1951080062	19QL2	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
7	Lê Thị	Hảo	1951080051	19QL3	100%	Con thương binh	x	x	-	x
8	Phương Thúy	Hằng	1951010129	19K1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
9	Trần Hải Cẩm	Ngọc	1951010269	19K1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
10	Trần Tiến	Phong	1951010296	19K1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
11	Trần Thị Châu	Anh	1951010030	19K3	100%	Con thương binh	x	x	-	x
12	Nguyễn Viết	Tài	1951010333	19K3	100%	Sinh viên mồ côi	x	x	-	x
13	Cà Thị	Nhi	1951010280	19K5	100%	Sinh viên mồ côi	x	x	-	x
14	Hoàng Anh	Khuyến	1958010094	19DH2	100%	Con bệnh binh	x	x	-	x
15	Phạm Thị Hải	Yến	1958010206	19DH2	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
16	Bùi Thị	Thanh	1958010172	19DH4	100%	Con của người hoạt động KC bị nhiễm CĐHH	x	x	-	x
17	Nguyễn Ngọc	Tú	1951030181	19X+	100%	Con của người hoạt động KC bị nhiễm CĐHH	x	x	-	x
18	Mai Thế	Cường	1951030025	19X4	100%	Con thương binh	x	x	-	x
19	Nguyễn Thùy	Linh	1951090006	19VL	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
20	Nguyễn Ngọc	Hải	2058010071	20DH1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
21	Trần Thị Vân	Anh	2052010008	20KTCQ	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
22	Mai Chí	Hiếu	2052010021	20KTCQ	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x

23	Phùng Thị	Hằng	2053010069	20KX1	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
24	Trần Quang	Thọ	2053010181	20KX1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
25	Sùng Thùy	Phương	2053010151	20KX3	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
26	Nguyễn Đức	Cảnh	2051080022	20QL2	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
27	Vi Thị Linh	Trang	2051080211	20QL3	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
28	Nguyễn Thị Bích	Hợp	2058020191	20NT1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
29	Nguyễn Thị Thu	Trang	2058020455	20NT5	100%	Sinh viên mồ côi	x	x	-	x
30	Nguyễn Hoàng	Nhi	2058020327	20NT7	100%	Con thương binh	x	x	-	x
31	Đỗ Thị Hương	Giang	2058010059	20DH4	100%	Con thương binh	x	x	-	x
32	Nguyễn Hoàng	Hiếu	2051030050	20X2	100%	Con bệnh binh	x	x	-	x
33	Trần Văn	Huy	2051030069	20X1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
34	Vũ Thị Kim	Dung	2058040017	20TT1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
35	Bùi Xuân	Hưng	1955010109	21CN1	100%	Sinh viên mồ côi	x	x	-	x
36	Đậu Đức	Thắng	2155010247	21CN2	100%	Con thương binh	x	x	-	x
37	Hoàng Duy	Tưởng	2155010242	21CN2	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
38	Ngô Mạnh	Biên	2156020182	21DA3	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
39	Nguyễn Thị Hải	Yến	2158010219	21DH3	100%	Con bệnh binh	x	x	-	x
40	Vũ Tuấn	Chinh	2151010035	21K3	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
41	Nguyễn Viết	Hùng	2151010139	21K5	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
42	Phan Đức	Nhân	2151010259	21K5	100%	Con thương binh	x	x	-	x
43	Trần Công	Đạt	2156010012	21ME	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
44	Đỗ Minh	Dương	2158020103	21NT5	100%	Con của người hoạt động KC bị nhiễm CĐHH	x	x	-	x
45	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	2153010130	21KX3	100%	Con thương binh	x	x	-	x
46	Nguyễn Minh	Luật	2151030125	21X1	100%	Sinh viên mồ côi	x	x	-	x
47	Trần Đắc	Thư	2151030208	21X3	100%	Con thương binh	x	x	-	x
48	Nguyễn Đức	Huy	2151070009	21XN	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
49	Lê Thành Thanh	Tuấn	1951020120	21Q3	100%	Con thương binh	x	x	-	x
50	Đào Quang	Thắng	2151080329	21QL4	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
51	Nguyễn Anh	Phương	2151080255	21QL2	100%	Con thương binh	x	x	-	x
52	Nguyễn Đức Khánh	Dương	2255010261	22CN1	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
53	Lại Ngọc	Anh	2255020001	22CDP	100%	Con thương binh	x	x	-	x
54	Hoàng Nghĩ Tuấn	Hiệp	2255020022	22CDP	100%	Con thương binh	x	x	-	x
55	Tạ Nguyên	Hiếu	2256020045	22DA1	100%	Sinh viên mồ côi	x	x	-	x
56	Nguyễn Thị Thu	Trinh	2256020113	22DA1	100%	Con thương binh	x	x	-	x

57	Kiều Quang	Đạt	2256020028	22DA2	100%	Con thương binh	x	x	-	x
58	Phan Duy	Đạt	2258010045	22DH1	100%	Con thương binh	x	x	-	x
59	Nguyễn Duy	Công	2258010022	22DH2	100%	Con nuôi liệt sĩ	x	x	-	x
60	Nguyễn Thanh	Nhã	2258010124	22DH3	100%	Con thương binh	x	x	-	x
61	Lữ Trọng Tuấn	Anh	2253020004	22IE	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
62	Hoàng Đức Đăm	Quân	2253020041	22IE	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
63	Nguyễn Văn	Hưng	2251010152	22K2	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
64	Hoàng Thị Lê	Na	2251010225	22K3	100%	Sinh viên mồ côi	x	x	-	x
65	Nguyễn Văn	Thái	2251010325	22K5	100%	Con thương binh	Gốc	Gốc	-	Gốc
66	Lê Hữu	Phúc	2252010044	22KTCQ	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
67	Hầu Tuyết	Băng	2258020045	22NT3	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
68	Đặng Thanh	Cao	2258020048	22NT6	100%	Con thương binh	x	x	-	x
69	Dương Thị	Oanh	2258040052	22TT2	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
70	Nguyễn Ngọc	Mai	2256040028	22UD	100%	Sinh viên khuyết tật	x	x	-	x
71	Giàng A Nù	Sua	2251030183	22X2	100%	SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo	Gốc	Gốc	-	Gốc
72	Nguyễn Văn	Dũng	2251070006	22XN	100%	Con thương binh	x	x	-	x

II - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ

Stt	Họ và tên		Mã thẻ SV	Lớp	Diện MG	Đối tượng miễn giảm	Hồ sơ			
							Đơn	Giấy XN đối tượng	Sổ HK	Giấy KS
1	Bùi Đỗ Trung	Hiếu	1855010055	19CN3	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
2	Hoàng Gia	Bảo	1951010036	19K1	70%	SV là người dt thiểu số ở vựng KT ĐBKK	x	-	x	x
3	Nguyễn Khánh Mạnh	Nhất	1951010277	19K2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
4	Lý Thị	Trắc	1951010416	19K2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
5	Giàng A	Lồng	1951030125	19X2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
6	Cà Mạnh	Dũng	1951050001	19D	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
7	Đinh Thị Thúy	Anh	1958010005	19DH1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
8	Hoàng Thị Lan	Hương	1958010088	19DH4	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
9	Phạm Thị Ngọc	Huyền	1958020123	19NT3	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
10	La Thị Thu	Trà	1958020280	19NT4	70%	SV là người dt thiểu số ở vựng KT ĐBKK	x	-	x	x
11	Vi Thị	Thiết	1958040133	19TT1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
12	Nguyễn Đức	Toàn	1958040088	19TT2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x

13	Quách Thu	Trang	1958040114	19TT2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
14	Nguyễn Danh	Thiện	2058010195	20DH1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
15	Lê Hoài	Nhi	2058020325	20NT5	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
16	Hà Thảo	Trang	2051080205	20QL1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
17	Nguyễn Thu	Trang	2051010372	20K1	70%	SV là người dt thiểu số ở vựng KT ĐBKK	x	-	x	x
18	Nông Việt	Khánh	2051010191	20K2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
19	Hoàng Cao	Lãnh	2051010205	20K2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
20	Nguyễn Minh	Khánh	2051010189	20K+	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
21	Lường Trung	Kiên	1851015034	20KTT	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
22	Nguyễn Thị Minh	Thư	2053010188	20KX1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
23	Lục ánh	Tuyết	2053010171	20KX3	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
24	Bùi Đức	Anh	2051050001	21D	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
25	Trần Bảo Ngân	Hà	2158020120	21NT1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
26	Nguyễn Hương	Trà	2158020437	21NT6	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
27	Phạm Thị Hồng	An	2158010002	21DH2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
28	Bùi Thị Ánh	Vi	2158010211	21DH3	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
29	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	2158010028	21DH4	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
30	Đinh Phương	Mai	2158010108	21DH4	70%	SV là người dt thiểu số ở vựng KT ĐBKK	x	-	x	x
31	Ma Huyền	Trân	2158010204	21DH4	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
32	Hoàng Thị	Khởi	2158040076	21TT1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
33	Dương Thị Quỳnh	Giang	2158040045	21TT3	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
34	Ngọc Đức	ánh	2151030021	21X+	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
35	Vy Minh	Tâm	2151030175	21X+	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
36	Hoàng Linh	Đan	2156020148	21DA3	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
37	Vũ Hà	Phương	2153010187	21KX4	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
38	Mông Phương	Tú	2151050049	21D1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
39	Phạm Hà	Chi	2151060013	21M	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
40	Nông Thành	Trung	2156010042	21ME	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
41	Cà Thị	Ngân	2155020065	21CĐP1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
42	Đinh Thảo	Vy	2155020112	21CĐP2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
43	Lăng Bích	Đào	2156040012	21UD	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
44	Lộc Hương	Giang	2255010064	22CN4	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
45	Lý Mạnh	Hùng	2255010095	22CN5	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
46	Ngọc Minh	Hải	2255020019	22CDP	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x

47	Nguyễn Vũ	Lâm	2255020032	22CDP	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
48	Hà Ngọc	Sơn	2256020092	22DA2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
49	Lương Hoàng	Chiến	2258010032	22DH1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
50	Triệu Khánh	Ly	2258010105	22DH1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
51	Ngọc Thị Phương	Oanh	2258010127	22DH3	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
52	Mã Minh	Thảo	2258030012	22DK	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
53	Nông Hiếu	Ngân	2253020032	22IE	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
54	Bùi Nguyễn Hoàng	Sơn	2251010296	22K2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
55	Triệu Trần Linh	Chi	2251010053	22K4	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
56	Bế Anh	Tú	2251010308	22K6	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
57	Bùi Ngọc	Thư	2253010106	22KX2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
58	Đào Minh	Đức	2258020084	22NT1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
59	Hoàng Hiếu	Thiên	2258020275	22NT2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
60	Bùi Mai	Hạnh	2258020097	22NT6	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
61	Trần Quốc	Huy	2258020350	22NT6	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
62	Nông Việt	Hoàng	2051080080	21QL1	70%	SV là người dt thiểu số ở vựng KT ĐBKK	x	-	x	x
63	Đinh Hiếu	Long	2251080062	22QL2	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x
64	Nông Phan	Na	2258040043	22TT1	70%	SV là người dt thiểu số ở vùng KT ĐBKK	x	-	x	x

III - DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM 50% HỌC PHÍ

Stt	Họ và tên		Mã thẻ SV	Lớp	Diện MG	Đối tượng miễn giảm	Hồ sơ			
							Đơn	Giấy XN đối tượng	Sổ HK	Giấy KS hoặc GCN là con NTNLĐ
1	Phan Hải	Anh	1851010018	18K1	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
2	Nguyễn Minh	Hiếu	1851010127	18K5	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
3	Hoàng Bảo	Long	1851015042	19KTT	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
4	Đặng Thùy	Linh	1955010127	19CN3	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
5	Nguyễn Xuân	Trường	1851010428	19K2	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
6	Đặng Ngọc	Trí	1951010417	19K3	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
7	Lê Minh	Tuấn	1951040011	19N	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
8	Trương Châu	Anh	1958010018	19DH2	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x

9	Trần Bá Thanh	Bình	1958020040	19NT4	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
10	Võ Huy	Phúc	1951020097	19Q1	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
11	Phạm Hoàng	Dũng	1951030042	19X3	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
12	Nguyễn Thanh	Dương	2055010051	20CN3	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
13	Nguyễn Xuân	Trường	2051010388	20K+	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
14	Đoàn Thị Ngọc	Hà	2058030009	20DK	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
15	Khuất Quang Đức	Anh	2151010004	21K4	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
16	Phạm Kính	Nhã	2151010258	21K4	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
17	Nguyễn Duy	Anh	1851010013	21K6	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
18	Đinh Đức	Vượng	2152010049	21CQ	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
19	Đinh Phương	Thảo	2158010175	21DH3	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
20	Trần Hoàng Nhật	Mai	2158010112	21DH4	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
21	Nguyễn Quang	Huy	2158030011	21DK	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
22	Nguyễn Minh	Đức	2156020110	21DA1	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
23	Dương Lại	Hương	2156020119	21DA1	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
24	Đào Trọng Tuấn	Kiệt	2151050012	21D2	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
25	Lê Đình	Triều	2155010266	21CN1	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
26	Nguyễn Hà	Thanh	2155010244	21CN4	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
27	Võ Thị	Trang	2155010265	21CN5	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
28	Phạm Lê Trâm	Anh	2158020042	21NT7	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
29	Giang Nguyên	Vũ	2151030224	21X2	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
30	Phạm Khắc	Hoàng	2151030084	21X3	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
31	Nguyễn Kim	Quang	2255010169	22CN4	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
32	Phạm Thị Quỳnh	Anh	2255020004	22CDP	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
33	Nguyễn Trọng	An	2254010001	22GT	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
34	Hoàng Thị Quỳnh	Hoa	2258010070	22DH2	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
35	Trần Thị Đoan	Trang	2258010178	22DH2	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
36	Lê Duy	Hoàng	2251010123	22K+	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
37	Nguyễn Thu	Trang	2258020298	22NT4	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
38	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	2256030042	22RM	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
39	Nguyễn Vân	Khánh	2251020058	22Q2	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x
40	Nguyễn Đức	Hiếu	2251090022	22VL	50%	Con của người bị tai nạn lao động	x	x	-	x

PHÒNG CHÍNH TRỊ & CTSV

Nguyễn Hải Nguyên